

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 25 - 7- 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng và xử lý tài sản thế chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cẩm Ngọc Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cẩm Văn Tổ

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1 (V2), địa chỉ trụ sở: Tầng A và tầng 2, Tòa nhà S - 111 A, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Hoàng H – Giám đốc Trung tâm X, Khỏi xử lý nợ của V2 theo ủy quyền số 091496.25 ngày 14/4/2025 của Tổng giám đốc V2.

Người được ông Hà Hoàng H ủy quyền lại: Bà Dương Thị S, bà Hoàng Thị Hồng V1 và ông Bùi Văn C theo văn bản ủy quyền số 188187.25 ngày 02/7/2025. Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D, T, T, Đ, Hà Nội. Ông C có mặt tại phiên tòa;

- Bị đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm 1975, địa chỉ: Bản M, xã C, huyện M cũ (nay là bản Mây, xã M), tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 (V2) trình bày như sau:

Ngày 30/9/2021, Ngân hàng TMCP Q1 (V2) – P ký với bà Hà Thị T (địa chỉ: Bản M, xã C, huyện M cũ (nay là bản Mảy, xã M), tỉnh Sơn La) Hợp đồng tín dụng số 4035690.21 có nội dung thỏa thuận:

- Số tiền giải ngân: 330.000.000VNĐ;
- Mục đích giải ngân: Thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH;
- Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/9/2027;
- Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,1%/năm chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở công biên độ 4,1%/năm.
- Hoàn trả vay gốc vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả đầu tiên vào ngày 25/10/2021, mỗi kỳ trả 4.583.333đồng. Số còn lại trả vào cuối kỳ;
- Hoàn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế;
- Trả phí theo quy định của V2 từng thời kỳ;
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;

Ngân hàng V2 đã giải ngân cho bà Hà Thị T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4035690(1).21 ngày 30/9/2021 với số tiền 330.000.000VNĐ.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Hà Thị T đã thế chấp cho Ngân hàng V2 01 xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH, loại xe chở hàng, số loại IZ26 thùng mui bạt inox 304, số khung RPPMD17APKD002985, số máy JE493ZLQ433102482, màu sơn xanh, BKS 26H-003.93. Phương tiện đã được cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26 002913 ngày 28/9/2021 của Phòng cảnh sát công an tỉnh S. Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6735904.21 ngày 30/9/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Hà Thị T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khoản vay quá hạn thanh toán từ ngày 25/5/2024, xếp loại nợ nhóm 04 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Tạm tính đến ngày 13/11/2024 thì bà Hà Thị T đã thanh toán được cho VIB số tiền là 226.205.243 VNĐ, trong đó tiền gốc là 142.083.323 VNĐ, tiền lãi là 84.121.920 VNĐ. Ngày 10/4/2025 bà T nộp trả tiền gốc cho Ngân hàng 100.000VNĐ.

Tạm tính đến ngày 25/7/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) thì bà Hà Thị T còn dư nợ lại đối với Ngân hàng V2 số tiền là 233.492.922 VNĐ trong đó nợ gốc là 187.816.677 VNĐ, nợ lãi trong hạn là 17.432.857 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.243.388VNĐ. Ngân hàng V2 khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị T phải trả toàn bộ số tiền nợ này cho Ngân hàng. Trường hợp bà T không trả hoặc không trả đủ số tiền còn nợ có Ngân hàng V2 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bà Hà Thị T1 đã thế chấp là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – bà Hà Thị T trình bày như sau:

Bà có ký hợp đồng tín dụng số 4035690.21 ngày 30/9/2021 vay của Ngân hàng TMCP Q1 (V2) số tiền gốc ban đầu là 330.000.000VNĐ (ba trăm ba mươi triệu

đồng) để mua xe tải. Để đảm bảo cho khoản vay, bà có thể chấp cho Ngân hàng 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH, BKS 26H-003.93, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Công an tỉnh S cấp ngày 28/9/2021. Quá trình vay vốn, bà vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ thỏa thuận trả lãi và gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Do làm ăn không thuận lợi nên đến khoảng tháng 5/2024 bà không có khả năng trả lãi và gốc cho Ngân hàng được nữa. Việc Ngân hàng TMCP Q1 (V2) khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà phải trả số tiền nợ gốc là 187.816.677 đồng là đúng với số tiền bà còn nợ lại Ngân hàng nên không có ý kiến thắc mắc gì. Hiện tại bà không có khả năng để trả tiền mặt cho Ngân hàng, chỉ có khả năng trả cho Ngân hàng bằng tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng là chiếc xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH. Nhưng do trước muốn xoay tiền trả cho Ngân hàng nên bà đã đưa xe đi cầm cố cho anh C1 (địa chỉ bản P, xã C, M, không biết họ tên đầy đủ) vợ là Lù Thị Mai Q. Bà cũng đã đưa ra nhiều phương án để thống nhất với anh C1 để giải quyết khoản nợ cho Ngân hàng hoặc trả lại xe cho bà nhưng anh C1 không đồng ý nên bà cũng không biết làm thế nào. Tại phiên tòa, bà T không đề nghị giải quyết đến quan hệ cầm cố xe với anh C1, nhất trí trả tiền còn nợ lại cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm tiền lãi cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với vợ chồng ông Hoàng Văn C1, bà Lù Thị Mai Q (địa chỉ bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La) về việc nhận cầm cố xe ô tô tải của bà Hà Thị T nhưng bà Q, ông C1 không thừa nhận.

Qua hòa giải tại Tòa án, do các bên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo hướng:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 117, 280, 320, 323, 357, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1: Buộc bà Hà Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền còn nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 4035690.21 ngày 30/9/2021 là: 187.816.677 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết gồm nợ lãi trong hạn là 17.432.857 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.243.388 VNĐ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4035690.21 ngày 30/9/2021.

Trong trường hợp bà Hà Thị T không trả được tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên, Ngân hàng TMCP Q1 được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ nợ theo Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6735904.21 ngày 30/9/2021 với tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH, BKS 26H-003.93 được ký giữa Ngân hàng và bà Hà Thị T.

Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q1 và bà Hà Thị T có địa chỉ cư trú tại bản M, xã C, huyện M cũ (nay là bản Mây, xã M), tỉnh Sơn La. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự.

Về luật áp dụng: Ngân hàng TMCP Q1 và bà Hà Thị T giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp vào năm 2021. Vì vậy vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết.

Về tư cách những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q1 hiện đang do ông Hoàng Văn C1, bà Lù Thị Mai Q (địa chỉ bản P, xã C, tỉnh Sơn La) giữ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Ông C1, bà Q cũng không thừa nhận việc này. Tại phiên tòa ngày 25/7/2025, bà T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc cầm cố tài sản giữa bà T và ông C1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án và không xác định ông C1, bà Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q1 và bà Hà Thị T:

Phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 4035690.21 ngày 30/9/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q1 và bà Hà Thị T. Theo nội dung của hợp đồng thì Ngân hàng TMCP Q1 đã giải ngân cho bà Hà Thị T số tiền 330.000.000VNĐ. Bà T thừa

nhận đã nhận đủ số tiền được giải ngân theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/9/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán được cho VIB số tiền là 226.305.243 VNĐ, trong đó tiền gốc là 142.183.323 VNĐ, tiền lãi là 84.121.920 VNĐ và để phát sinh lãi quá hạn từ ngày 25/5/2024.

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, chủ thể tham gia ký kết đều đủ năng lực hành vi dân sự, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T xác nhận số dư nợ gốc của bà tại Ngân hàng TMCP Q1 đến thời điểm xét xử (ngày 25/7/2025) là 187.816.677 VNĐ như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thừa nhận này là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ gốc 187.816.677 VNĐ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 4035690.21 ngày 30/9/2021 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về lãi suất: Theo quy định tại Mục 2.0 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ được ký kết giữa hai bên thể hiện: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,1%/năm chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở công biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả vay gốc vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả đầu tiên vào ngày 25/10/2021, mỗi kỳ trả 4.583.333 đồng. Số còn lại trả vào cuối kỳ; Hoàn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế; Trả phí theo quy định của V2 từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì việc thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (25/7/2025) đối với tiền gốc còn nợ lại tương ứng nợ lãi trong hạn là 17.432.857 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.243.388 VNĐ.

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng được ký giữa các bên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ các khoản vay, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng năm 2021, bà T thế chấp 01 xe ô tô để bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6735904.21 ngày 30/9/2021 với tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH, BKS 26H-003.93 được ký giữa Ngân hàng và bà Hà Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định chiếc xe ô tô thế chấp cho Ngân hàng không còn ở nhà. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định việc bà T cầm cố chiếc xe ô tô cho người khác không thông qua và không được sự đồng ý của Ngân hàng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6735904.21 ngày 30/9/2021 với tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH,

BKS 26H-003.93 được ký giữa Ngân hàng và bà Hà Thị T là hợp pháp về mặt hình thức, được lập thành văn bản có công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Nội dung không vi phạm pháp luật và trái đạo đức xã hội nên quyền lợi của Ngân hàng V2 được pháp luật bảo vệ. Trường hợp bà T không có khả năng thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng V2, bà T phải có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng.

Căn cứ các điều khoản trong hợp đồng thế chấp và căn cứ Điều 323 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng, Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm và các tài sản gắn liền với tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả khoản nợ vay của bà T thì bà T tiếp tục có nghĩa vụ trả nốt phần còn thiếu cho Ngân hàng V2. Trường hợp bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q1 thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26 002913 ngày 28/9/2021 của Phòng cảnh sát công an tỉnh S cấp cho bà Hà Thị T.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là theo quy định của pháp luật là 11.675.000VNĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các 117, 280, 320, 323, 357, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1: Buộc bà Hà Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền còn nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 4035690.21 ngày 30/9/2021 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/7/2025) là 233.492.922 VNĐ trong đó nợ gốc là. 187.816.677 VNĐ, nợ lãi trong hạn là 17.432.857 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.243.388VNĐ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4035690.21 ngày 30/9/2021.

Trong trường hợp bà T không trả được tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên, Ngân hàng TMCP Q1 được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ nợ theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6735904.21 ngày 30/9/2021 với tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH, BKS 26H-003.93.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thi hành khoản nợ thì bà T có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Trường hợp bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q1 thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26 002913 ngày 28/9/2021 của Phòng cảnh sát công an tỉnh S cấp cho bà Hà Thị T.

2. Về án phí:

Ngân hàng TMCP Q1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 5.111.000 VNĐ (Năm triệu một trăm mười một nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002378 ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Sơn La).

Buộc bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.675.000VNĐ (mười một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4 - Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Ngọc Thương

